TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-8 -2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thùy M, sinh năm 2003; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn B, sinh năm 2004; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Nguyễn Thùy M và anh Lâm Văn B thống nhất trình bày: Chị M với anh B chung sống với nhau năm 2021, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được cháu Nguyễn Thiên Phúc, sinh ngày 02/3/2022. Tuy nhiên quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, dù được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thể sống hạnh phúc được mà ly thân khoảng bảy tháng nay. Hiện tại anh, chị không còn thương yêu nhau nên đồng thuận ly hôn; thống nhất giao cháu Phúc cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lâm Văn B, chị Nguyễn Thùy M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Lâm Văn B, chị Nguyễn Thùy M chung sống vào năm 2021 dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy Tòa án không xem xét cho hoặc không cho chị M và anh B ly hôn mà tuyên bố không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh, chị thống nhất giao cháu Phúc cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Phúc còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, trong khi từ sau khi ly thân đến nay sống với chị M vẫn phát triển toàn diện về mọi mặt, nên cần tiếp tục giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh, chị xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên chị M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thùy M và anh Lâm Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thùy M và anh Lâm Văn B. Giao cháu Nguyễn Thiên Phúc, sinh ngày 02/3/2022 cho chị Nguyễn Thùy M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lâm Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy M phải chịu 300.000 đồng. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0001576 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị M, anh B có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Liêu Chí Khanh